

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ
THƯƠNG MẠI VINEXAD**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đã được kiểm toán



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7- 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 24
<i>Phụ lục số 01: Chi tiết tăng giảm vốn chủ sở hữu</i>	25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại Vinexad (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại Vinexad được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103010028 ngày 27 tháng 04 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Hội chợ triển lãm thương mại; dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo và hợp tác đầu tư; xúc tiến thương mại;
- Điều hành tour du lịch, chi tiết: Du lịch, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm mỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Kinh doanh thiết bị máy văn phòng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử; Bán buôn thực phẩm, kinh doanh nông sản thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Kinh doanh hàng dệt may;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- In ấn, chi tiết: Dịch vụ in ấn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân đầu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Vốn điều lệ của Công ty là 12.249.480.000 VNĐ (Mười hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng Việt Nam) chia thành 1.224.948 cổ phần.

Các chi nhánh của Công ty:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại (Vinexad)	1202 lầu 12 Tòa nhà Đông Dương, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại (Vinexad) tại TP Đà Nẵng	77 Ba Đình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Khắc Luận chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị, sinh ngày 02/12/1957. Chứng minh thư nhân dân số 010022317 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/05/2000.

0103010028
C
H
A
C
H
I
H
A
N
H
V
I
N
H

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

Địa chỉ: Số 9, Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Phạm Quỳnh Giang	Phó chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Đinh Văn Khải	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Đỗ Thị Hoài	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban tổng giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Huỳnh Thị Thuý Nga	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Thành viên
Ông Vũ Đăng Khoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá (AVA) - Đơn vị được UBCKNN chấp thuận là Tổ chức kiểm toán độc lập được kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 929/QĐ-UBCK ngày 30/12/2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

Địa chỉ: Số 9, Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại Vinexad phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014

**Thay mặt Hội đồng quản trị và
Ban Tổng Giám đốc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Tổng Giám đốc**



Nguyễn Khắc Luận

07.
3 T
V M
D A
I N H
N A
N

Số: 110/BCKT/TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại Vinexad****Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông****Công ty Cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại Vinexad**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại Vinexad, được lập ngày 21/01/2014, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Y
/C
/M
/G
/P

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại Vinexad tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN VIỆT LONG

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0692-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters.

TRẦN TRÍ DŨNG

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0895-2014-126-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.599.260.536	24.547.876.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.577.399.424	13.042.120.216
1. Tiền	111	V.01	5.577.399.424	13.042.120.216
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu	130		4.852.754.688	5.225.109.434
1. Phải thu của khách hàng	131		1.573.509.257	3.212.582.674
2. Trả trước cho người bán	132		361.775.156	1.618.118.857
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	3.203.883.975	680.821.603
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(286.413.700)	(286.413.700)
IV. Hàng tồn kho	140		3.506.874.748	4.992.159.725
1. Hàng tồn kho	141	V.03	3.506.874.748	4.992.159.725
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.662.231.676	1.288.487.522
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	51.442.100	37.513.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.673.696	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.557.115.880	1.250.974.522
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.795.112.484	10.117.755.067
II. Tài sản cố định	220		8.288.875.493	9.155.912.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	8.288.875.493	9.155.912.001
- Nguyên giá	222		14.625.533.130	14.905.515.001
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(6.336.657.637)	(5.749.603.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	-	512.150.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	327.150.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	185.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		506.236.991	449.693.066
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	224.418.809	104.238.520
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.09	31.818.182	95.454.546
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	250.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		30.394.373.020	34.665.631.964

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.917.812.607	15.239.623.469
I. Nợ ngắn hạn	310		8.397.479.851	12.599.235.176
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	22.640.000	22.640.000
2. Phải trả người bán	312		1.047.316.530	3.222.750.181
3. Người mua trả tiền trước	313		5.919.342.882	5.229.227.054
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	778.877.991	684.850.279
5. Phải trả công nhân viên	315		245.700.000	218.400.000
6. Chi phí phải trả	316	V.13	-	52.102.800
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	329.455.895	3.155.444.813
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		54.146.553	13.820.049
II. Nợ dài hạn	330		1.520.332.756	2.640.388.293
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.15	1.520.332.756	2.640.388.293
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.476.560.413	19.426.008.495
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	20.476.560.413	19.426.008.495
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.249.480.000	10.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		520.000	1.750.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.243.965.861	3.849.298.125
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		673.501.410	504.358.095
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.309.093.142	2.822.352.275
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		30.394.373.020	34.665.631.964

11/12/2013
 KẾ TÍNH
 11/12/2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Mã số</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
5. Ngoại tệ các loại	007			
- USD			79.980,21	152.270,23
- EUR			6.032,53	6.043,45
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

TP.Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Luận

1551
ĐNG
KH
TQ
T N
LUAN

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	90.804.018.970	78.913.381.316
2. Các khoản giảm trừ	02	V.18	160.058.182	444.553.016
- Chiết khấu bán hàng	02a		-	-
- Giảm giá hàng bán	02b		-	444.553.016
- Hàng bán bị trả lại	02c		160.058.182	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	02d		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.19	90.643.960.788	78.468.828.300
4. Giá vốn hàng bán	11	V.20	75.526.869.727	67.212.282.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.117.091.061	11.256.546.038
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.21	930.966.907	1.110.118.175
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.401.190.228	9.512.744.171
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.646.867.740	2.853.920.042
11. Thu nhập khác	31	V.22	175.469.407	858.424.843
12. Chi phí khác	32	V.23	138.190.700	60.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		37.278.707	798.424.843
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.684.146.447	3.652.344.885
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	961.981.659	576.267.820
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.25	63.636.364	23.863.636
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.658.528.424	3.052.213.429
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.342	2.907

039.
 T.Y.
 HỒNG
 AN
 HIC
 AM
 -13

TP.Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.684.146.447	3.652.344.885
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	940.091.244	948.105.343
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(53.127.825)	(558.655.396)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	135.000.000	(538.021.708)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.706.109.866	3.503.773.124
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	12.539.692	4.155.324.805
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	1.485.284.977	(841.786.155)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.624.188.669)	980.810.577
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(134.109.389)	57.238.961
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(732.837.579)	(518.337.581)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.181.818
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.397.569.597)	(1.344.260.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(684.770.699)	5.995.944.910
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(117.517.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	50.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	914.439.082	538.021.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.153.077.918)	538.021.708
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	-	(43.176.649)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37	(1.680.000.000)	(735.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.680.000.000)	(778.176.649)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.517.848.617)	5.755.789.969
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.042.120.216	6.727.674.851
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	53.127.825	558.655.396
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.577.399.424	13.042.120.216

Chỉ tiêu tại mã số (21) và(22) không bao gồm giá trị các khoản mua/bán Tài sản bằng công nợ

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

TP.Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại Vinexad được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103010028 ngày 27 tháng 04 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.249.480.000 VNĐ (Mười hai tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm tám mươi đồng Việt Nam) chia thành 1.224.948 cổ phần.

Trụ sở văn phòng công ty: Số 9 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Các chi nhánh của Công ty:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại (Vinexad)	1202 lầu 12 Tòa nhà Đông Dương, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và hội chợ thương mại (Vinexad) tại TP Đà Nẵng	77 Ba Đình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Hội chợ triển lãm thương mại; dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo và hợp tác đầu tư; xúc tiến thương mại;
- Điều hành tour du lịch, chi tiết: Du lịch, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm mỹ thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Kinh doanh thiết bị máy văn phòng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử; Bán buôn thực phẩm, kinh doanh nông sản thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Kinh doanh hàng dệt may;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng, chi tiết: Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- In ấn, chi tiết: Dịch vụ in ấn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân đầu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty/Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào bằng tiền mặt của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên; .

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 14 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận từ quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mua sắm tài sản cố định và phục vụ sản xuất kinh doanh;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước;

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh doanh thu bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Trong kỳ công ty không đầu tư vốn ra ngoài, góp vốn liên doanh... nên không có cổ tức, lợi nhuận được chia.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

9. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

107d
3 T
KH
CÁN
NH
HAI
T

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền		Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng		
Tiền mặt tại quỹ		510.557.773	847.723.939		
Tiền gửi ngân hàng		5.066.841.651	12.194.396.277		
Tiền đang chuyển		-	-		
Các khoản tương đương tiền		-	-		
Cộng		5.577.399.424	13.042.120.216		
2 . Các khoản phải thu khác		Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng		
Phải thu khác		3.203.883.975	680.821.603		
Phải trả, phải nộp khác (dư nợ)		-	-		
Cộng		3.203.883.975	680.821.603		
3 . Hàng tồn kho		Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng		
Công cụ, dụng cụ		4.190.909	3.590.909		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		3.502.683.839	4.988.568.816		
Cộng giá gốc hàng tồn kho		3.506.874.748	4.992.159.725		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-		
Giá trị thuần hàng tồn kho cuối kỳ		3.506.874.748	4.992.159.725		
4 . Chi phí trả trước ngắn hạn		Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng		51.442.100	37.513.000		
Cộng		51.442.100	37.513.000		
5 . Tài sản ngắn hạn khác		Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng		
Tạm ứng		1.557.115.880	1.250.974.522		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn		-	-		
Cộng		1.557.115.880	1.250.974.522		
6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	11.192.938.683	1.560.831.125	2.151.745.193	-	14.905.515.001
Số tăng trong năm	90.737.000	26.780.000	-	-	117.517.000
- Mua trong năm	90.737.000	26.780.000	-	-	117.517.000
Số giảm trong năm	-	397.498.871	-	-	397.498.871
- Giảm theo TT45/2013	-	397.498.871	-	-	397.498.871
Số dư cuối năm	11.283.675.683	1.190.112.254	2.151.745.193	-	14.625.533.130
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.325.088.512	1.414.234.730	1.010.279.758	-	5.749.603.000
Số tăng trong năm	524.920.046	199.996.679	327.567.678	-	1.052.484.403
- Khấu hao trong năm	524.920.046	199.996.679	215.174.519	-	940.091.244
- Tăng khác	-	-	112.393.159	-	112.393.159
Số giảm trong năm	-	465.429.766	-	-	465.429.766
- Giảm khác	-	112.393.159	-	-	112.393.159
- Giảm theo TT45/2013	-	353.036.607	-	-	353.036.607
Số dư cuối năm	3.850.008.558	1.148.801.643	1.337.847.436	-	6.336.657.637
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.867.850.171	146.596.395	1.141.465.435	-	9.155.912.001
Tại ngày cuối năm	7.433.667.125	41.310.611	813.897.757	-	8.288.875.493

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
7 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào Công ty liên doanh		
- Công ty TNHH Jcdecaux Neonlight Vinexad	-	327.150.000
Đầu tư dài hạn khác		
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	185.000.000
Cộng	-	512.150.000
8 . Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	224.418.809	104.238.520
Cộng	224.418.809	104.238.520
9 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	31.818.182	95.454.546
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.818.182	95.454.546
10 . Tài sản dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	250.000.000	250.000.000
Cộng	250.000.000	250.000.000
11 . Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	22.640.000	22.640.000
<i>Vay cá nhân</i>	22.640.000	22.640.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	22.640.000	22.640.000
12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	80.456.167	331.530.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	561.377.797	299.326.494
Thuế thu nhập cá nhân	137.044.027	52.993.265
Các loại thuế khác	-	1.000.000
Cộng	778.877.991	684.850.279
<p><i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i></p>		
13 . Chi phí phải trả		
Chi phí phải trả của Chi nhánh Đà Nẵng	-	52.102.800
Cộng	-	52.102.800

14 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	41.721.752	37.716.354
Bảo hiểm xã hội	10.121.761	80.380.885
Bảo hiểm y tế	-	8.479.370
Các khoản phải trả, phải nộp khác	175.494.523	3.028.868.204
Các khoản phải trả, phải nộp khác (dư có 1388)	102.117.859	-
Cộng	329.455.895	3.155.444.813

15 . Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Cho thuê mặt bằng	200.295.449	308.643.552
Cho thuê biển quảng cáo	1.320.037.307	2.331.744.741
Cộng	1.520.332.756	2.640.388.293

16 . Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01)

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vốn góp của Nhà nước	-	419.100.000
Các cổ đông khác	12.249.480.000	10.080.900.000
Cộng	12.249.480.000	10.500.000.000

16.3. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.500.000.000	10.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	1.749.480.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	12.249.480.000	10.500.000.000

16.4. Cổ phiếu

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.224.948	1.050.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.224.948	1.050.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.224.948	1.050.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.224.948	1.050.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.224.948	1.050.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.658.528.424	3.052.213.429
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.658.528.424	3.052.213.429
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.094.576	1.050.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.342	2.907

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
17 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.804.018.970	78.913.381.316
Cộng	90.804.018.970	78.913.381.316
18 . Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	160.058.182	
Giảm giá hàng bán	-	444.553.016
Cộng	160.058.182	444.553.016
19 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	90.643.960.788	78.468.828.300
Cộng	90.643.960.788	78.468.828.300
20 . Giá vốn hàng bán		
Giá vốn cung cấp dịch vụ	75.526.869.727	67.212.282.262
Cộng	75.526.869.727	67.212.282.262
21 . Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	877.839.082	538.021.708
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	13.441.071
Cổ tức, LN được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.127.825	558.655.396
Cộng	930.966.907	1.110.118.175
22 . Thu nhập khác		
Thu phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	93.169.800
Thu thanh lý tài sản	-	3.181.818
Các khoản nợ không phải trả	-	762.073.225
Thu nhập khác	175.469.407	-
Cộng	175.469.407	858.424.843
23 . Chi phí khác		
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn khác	135.000.000	60.000.000
Chi phí thù lao HĐQT, BKS năm 2012	3.190.700	-
Cộng	138.190.700	60.000.000

26 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay đồng	Năm nay đồng
a. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	4.684.146.447	3.652.344.885
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(836.219.810)	(856.344.642)
b1. Khoản điều chỉnh tăng		-
b2. Khoản điều chỉnh giảm:	836.219.810	856.344.642
- Bù lỗ chi nhánh đã ngừng	55.819.258	24.961.973
- Chênh lệch tạm thời không tính thuế	727.272.727	272.727.273
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	53.127.825	558.655.396
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a+b)	3.847.926.637	2.796.000.243
d. Thu nhập không được giảm thuế theo TT140/2012/TT-BTC		1.159.570.371
e. Thu nhập được giảm thuế theo TT140/2012/TT-BTC		1.636.429.872
f. Thuế TNDN phải nộp	961.981.659	576.267.820
g. Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	961.981.659	576.267.820

27 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Chi phí nhân công	7.372.776.282	5.121.028.590
Chi phí khấu hao	940.091.244	948.105.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.129.307.452	76.409.243.845
Cộng	85.442.174.978	82.478.377.778

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, lương Ban giám đốc trong năm 2013

TT	Họ và tên	Đơn vị tính: đồng	
		Số tiền	
1	Hội đồng quản trị	219.511.700	
2	Ban giám đốc	757.245.400	
3	Ban kiểm soát	65.853.500	
	Tổng cộng	1.042.610.600	

2 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực địa lý

	Đơn vị tính: đồng		Đơn vị tính: đồng Tổng cộng toàn công ty
	Miền nam	Miền bắc, miền trung	
Doanh thu cung cấp dv	32.371.624.315	58.432.394.655	90.804.018.970
Tài sản bộ phận	2.583.380.344	27.810.992.676	30.394.373.020

3 . Công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		1/1/2013	
	Giá gốc đồng	Dự phòng đồng	Giá gốc đồng	Dự phòng đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	5.577.399.424	-	13.042.120.216	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.777.393.232	(286.413.700)	3.893.404.277	(286.413.700)
Đầu tư dài hạn	-	-	512.150.000	-
Cộng	10.354.792.656	(286.413.700)	17.447.674.493	(286.413.700)

Nợ phải trả tài chính	Giá trị số kế toán	
	31/12/2013 đồng	1/1/2013 đồng
Vay và nợ	22.640.000	22.640.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.376.772.425	6.378.194.994
Chi phí phải trả	0	52.102.800
Cộng	1.399.412.425	6.452.937.794

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống đồng	Trên 1 năm đến 5 năm đồng	Trên 5 năm đồng	Cộng đồng
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.577.399.424	-	-	5.577.399.424
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.777.393.232	-	-	4.777.393.232
Các khoản cho vay	6.000.000.000,00	-	-	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Cộng	16.354.792.656	-	-	16.354.792.656

Tại ngày 01/01/2013

Tiền và các khoản tương đương tiền	13.042.120.216	-	-	13.042.120.216
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.893.404.277	-	-	3.893.404.277
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	512.150.000	-	-	512.150.000
Cộng	17.447.674.493	-	-	17.447.674.493

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Từ 01 đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	22.640.000	-	22.640.000
Phải trả người bán	1.047.316.530	-	1.047.316.530
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	329.455.895	-	329.455.895
Số đầu năm			
Các khoản vay	22.640.000	-	22.640.000
Phải trả người bán	3.222.750.181	-	3.222.750.181
Chi phí phải trả	52.102.800	-	52.102.800
Phải trả khác	3.155.444.813	-	3.155.444.813

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình

8 . Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

9 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 4 ngày 28/11/2013) số 0102028384 ngày 10/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

TP.Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

Địa chỉ: Số 9 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	10.500.000.000	1.750.000.000	552.642.249	3.606.080.021	448.245.562	1.623.883.442	18.480.851.274
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	3.052.213.429	3.052.213.429
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	574.319.185	56.112.533	-	630.431.718
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.118.744.596	1.118.744.596
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	735.000.000	735.000.000
Giảm khác	-	-	552.642.249	331.101.081	-	-	883.743.330
Số dư đầu năm nay	10.500.000.000	1.750.000.000	-	3.849.298.125	504.358.095	2.822.352.275	19.426.008.495
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi năm nay	-	-	-	-	-	3.658.528.424	3.658.528.424
Chia cổ phiếu thưởng từ thặng dư để tăng vốn	1.749.480.000	-	-	-	-	-	1.749.480.000
Tăng khác (*)	-	-	-	394.667.736	169.143.315	-	563.811.051
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	1.093.502.103	1.093.502.103
Chia cổ phiếu thưởng từ thặng dư để tăng vốn	-	1.749.480.000	-	-	-	-	1.749.480.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.680.000.000	1.680.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	398.285.454	398.285.454
Số dư cuối năm nay	12.249.480.000	520.000	-	4.243.965.861	673.501.410	3.309.093.142	20.476.560.413